

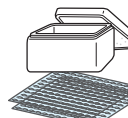
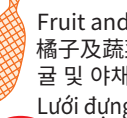


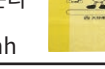
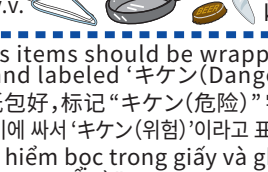
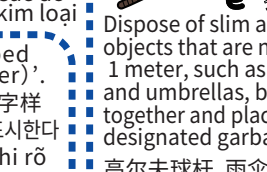
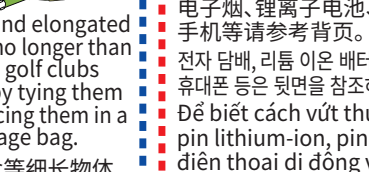
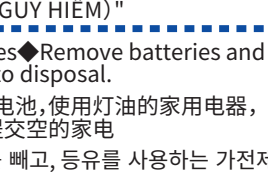
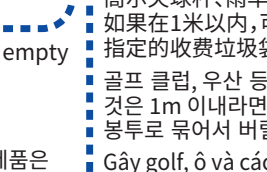
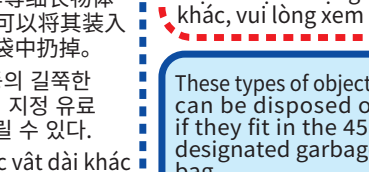
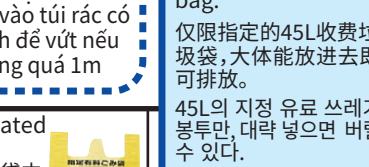
- ◆ **Phân loại rác theo đúng quy định**
- ◆ **Vứt rác ra trước 8:30 sáng ngày thu gom**
- ◆ **Vứt rác ở nơi (điểm thu gom rác) đã quy định**

*Đề biết nơi vứt rác (điểm thu gom rác), vui lòng liên hệ với văn phòng quản lý tòa nhà hoặc chính quyền địa phương

※台風などにより収集を中止する場合があります。 ※Collection may be cancelled due to a typhoon, etc. ※如台风等灾害来临时,会临时取消垃圾收集。 ※태풍 등에 의해 수집을 중지할 경우가 있습니다 ※Do ảnh hưởng của bão, v.v. việc thu gom rác có thể bị tạm dừng
(お問い合わせ先は裏面) (See reverse side for contact info.) (咨询处请看背面) (문의처는 뒷면) (Vui lòng xem mặt sau để biết thông tin liên hệ)

*Thông tin liên hệ về rác thải, các loại rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác và địa chỉ các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải được ghi ở mặt sau.

 Plastic Containers and Packaging 플라스틱 용기포장	塑料制容器包装 Nhựa tái chế (Hộp đựng và bao bì nhựa)	 Look for this mark. 有这个标志 이 마크가 있습니다 Những đồ vật có ký hiệu này	Put in a clear or semi-clear garbage bag. 放入透明或半透明的袋子里 투명 또는 반투명 봉투에 담는다 Chọ vào túi nilon trong suốt hoặc túi mờ 
 ◆Wash well and dry. ◆清洗干净, 晾干 ◆잘 씻어서 말린다 ◆Rửa sạch và phơi khô ráo Buffer materials 缓冲材 완충재 Vật liệu đệm lót  Polystyrene and plastic bags 塑料袋, 购物袋 폴리스티렌 봉지, 비닐봉지 Túi nhựa, túi nilon 	Plastic containers 杯子类容器 용기 Cốc nhựa  Fruit and vegetable nets 橘子及蔬菜网兜 귤 및 야채의 거름망 Lưới đựng quýt, rau củ, v.v. 	Bottles 瓶子类容器 용기 Chai nhựa  PET bottle caps and labels 塑料瓶盖・标签 페트 병 등의 뚜껑과 라벨 Nắp và nhãn chai nhựa, v.v. 	Plastic packaging 便当, 盒子类容器 도시락, 박 용기 Hộp cơm, hộp đựng thức ăn  Polystyrene trays 托盘类容器 트레이 용기 Khay đựng 
 Plastic containers that are difficult to clean can be disposed of as burnable garbage. 塑料记号容器, 但是难以去除污渍的物品按可燃物分类 플라스틱 마크가 있으나, 오염이 지워지지 않는 것은 가연물쓰레기로 버린다 Những đồ vật có ký hiệu nhựa tái chế nhưng khó làm sạch sẽ được xử lý như rác cháy được.			

 Non-Burnable Garbage 태울 수 없는 쓰레기	不可燃垃圾 Rác không cháy được (Rác không đốt được)	Put in a city-designated garbage bag 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다 Cho vào túi rác có phí theo quy định	 Please see the back page for instructions on how to properly dispose of items with batteries, such as e-cigarettes, lithium-ion batteries, portable batteries, and smartphones. 电子烟、锂离子电池、手机电池、手机等请参考背面。 전자 담배, 리튬 이온 배터리, 모바일 배터리, 휴대폰 등은 뒤면을 참조하십시오. Đề biết cách vứt thuốc lá điện tử, pin lithium-ion, pin sạc dự phòng, điện thoại di động và các thiết bị khác, vui lòng xem mặt sau
 Ceramics, glass, etc. 陶瓷器、玻璃等 도자기, 유리 등 Gốm sứ, thủy tinh, v.v.	 Metals 금속류 금속류 Các đồ kim loại	 Dispose of slim and elongated objects that are no longer than 1 meter, such as golf clubs and umbrellas, by tying them together and placing them in a designated garbage bag. 高尔夫球杆、雨伞等细长物体如果在1米以内, 可以将其装入指定的收费垃圾袋中扔掉。 골프 클럽, 우산 등의 길쭉한 것은 1m 이내라면 지정 유료 봉투로 묶어서 버릴 수 있다. Gậy golf, ô và các vật dài khác có thể buộc cho vào túi rác có phí theo quy định để vứt nếu có chiều dài không quá 1m	 These types of objects can be disposed of if they fit in the 45L designated garbage bag. 仅限指定的45L收费垃圾袋, 大体能放进去即可投放。 45L의 지정 유료 쓰레기 봉투만 대략 넣으면 버릴 수 있다. Chỉ được bỏ vào túi rác có phí theo quy định, kích thước 45 lít, để vứt nếu đồ vật vừa với túi.
 Dangerous items should be wrapped in paper and labeled "케켄(Danger)". 危险废物用纸包好, 标记 "케켄(危险)". 字樣 위험물은 종이에서 싸서 "케켄(위험)" 이라고 표시한다 Chất nguy hiểm bọc trong giấy và ghi rõ "케켄(NGUY HIỂM)".	 Home appliances ◆ Remove batteries and empty kerosene prior to disposal. 家用电器 ◆ 卸掉电池, 使用灯油的家用电器, 将其灯油用光, 提交空的家电 가전제품 ◆ 전지를 빼고, 등유를 사용한 가전제품은 다 쓰고 버리워 버린다	 Do điện gia dụng ◆ Tháo pin, đối với đồ điện sử dụng dầu hỏa, phải sử dụng hết và làm sạch trước khi vứt	 Electric Fans 电风扇等 quạt điện, v.v.
 Burnable Garbage 태울 수 있는 쓰레기	可燃垃圾 Rác cháy được (Rác đốt được)	Put in a city-designated garbage bag. 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다 Cho vào túi rác có phí theo quy định	 Wood products, etc. 木工制品等 목재 제품 등
 ◆ Drain well. ◆ 除去水分 ◆ 油, 물, 식초 등	 ◆ Use either an oil solidifier or absorb the oil with		

[illegible]

Garbage that must not be disposed of at collection stations

不能放在垃圾站的垃圾

쓰레기 스테이션에 낼 수 없는 쓰레기

Rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác

Oversized and unusually large amounts of garbage	大件垃圾，一次性大量垃圾
대형 쓰레기, 일시적 다량 쓰레기	Rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn
Large amounts of garbage from moving or cleaning. 大型家具或为搬家进行大扫除等产生的大量垃圾 대형 가구와 이사, 대청소 등으로 쏟아져 나온 쓰레기 Rác thải số lượng lớn phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng vệ sinh hay đồ nội thất lớn Large blankets, tatami mats, large carpets, etc. 厚被褥、榻榻米、地毯等 큰 이불이나 다다미, 큰 카펫 등 Nệm lớn, chiếu, thảm lớn, v.v. Sand, rocks, Concrete blocks, Concrete fragments, bricks. 砂、石头、混凝土砌块、混凝土碎片、砖 모래, 돌, 콘크리트 블록, 콘크리트 파편, 벽돌 Cát, đá, khối bê tông, mảnh bê tông, gạch, v.v. These items can be collected for a fee or can be taken directly to the city garbage disposal facility. (Items from businesses excluded.) 可以选择收费回收或送至、市指定的处理中心。(除项目活动中产生的垃圾)。 유료 수집을 이용하거나, 시 처리 시설에 반입할 수 있습니다 (사업 활동에서 발생한 것은 제외). Có thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. (Không bao gồm rác thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh)	
Used Household Batteries	二手小型家电
사용한 소형 가전	Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng
Small Rechargeable Batteries	小型充电电池等
소형 충전식 전지 등	Pin sạc nhỏ, v.v.

Drop-off Bin for Small Household Electronic Waste 二手小家电回收箱 사용한 소형 가전 회수 박스 Hộp thu gom đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng	Drop-Off Bin for Small Rechargeable Batteries 小型充电电池等回收箱 소형 충전식 배터리 등 회수 박스 Hộp thu gom pin sạc nhỏ
digital cameras, electrical cords, phones, video cameras, etc. 数码相机、电源线、电话、摄像机等 디지털 카메라, 전원 코드, 전화기, 캠코더 등 Máy ảnh kỹ thuật số, dây sạc, điện thoại, máy quay phim, v.v. Limited to compact home appliances that can fit in the drop-off box (15cm×25cm). 仅限于可放入 (15cm×25cm) 的小型家电。 투입구 (15cm×25cm)에 들어가는 소형 가전에 한합니다. Chỉ thu gom các đồ điện gia dụng loại nhỏ có thể nhét vừa khe hộp (15cm ×25cm).	mobile batteries, heated tobacco products (HTP), lithium-ion batteries, electronic cigarettes, etc. 手机电池、加热香烟、锂离子电池、电子烟等 모바일 배터리, 가열식 담배, 리튬 이온 배터리, 전자 담배 등 Pin sạc dự phòng, thuốc lá dạng đốt nóng, pin lithium-ion, thuốc lá điện tử, v.v. Please cover rechargeable battery terminals with non-conductive tape such as plastic tape. 小型充电电池, 请在端部粘上胶带进行绝缘处理。 소형 충전식 전지는 단자 부분에 셀로판 테이프 등을 붙여 절연하십시오. Vui lòng dán băng dính hoặc vật liệu cách điện lên các cực của pin sạc nhỏ trước khi bỏ vào hộp.
Drop-off Locations 回收箱放置位置 회수박스 설치 장소 Vị trí đặt thùng thu gom	
City Hall Main Building (1F), All Municipal Branch Offices, Honkozaki Municipal Satellite Office, and Community Centers (Tobu, Seibu, Nanbu, and Minami Oita) 市役所本庁舎1楼、各支所、本神崎联络所、大分东部、大分西部、大分南部、南大分公民馆 시청 본청사 1층, 각 출장소, 혼간자키 연락소, 오이타 동부·오이타 서부·오이타 남부·미나미오이타 공민관 Tầng 1 Trụ sở chính Tòa Thị Chính, các chi nhánh, văn phòng liên lạc Honkozaki, Trung tâm cộng đồng (Tobu, Seibu, Nanbu và Minami Oita). Electronic waste can only be dropped off during business hours. 仅限政府办公日可以提供回收服务。 회수할 수 있는 날은 청사나 출장소등이 개청하고 있을 때만입니다. Chỉ thu gom khi các tòa nhà thị chính, chi nhánh mở cửa.	

Please contact the Waste Reduction Promotion Division (097-537-5687) with any questions.
※Consultation is available in Japanese only.
有不明白的地方请咨询垃圾减量推进课 (097-537-5687) ※只有日语对应工作人员。
불명확한 점은 쓰레기 감량 추진과 (097-537-5687)에 문의해 주시기 바랍니다. ※다만 일본어만 대응이 가능합니다.
Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ với Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải (097-537-5687).
*Chỉ tiếp nhận các cuộc gọi bằng tiếng Nhật.

Recyclable goods	可回收対象
재활용 대상품	Đối tượng tái chế
Televisions 电视机 텔레비전 Tivi Air conditioners 空调 에어컨 Điều hòa Washing machines 洗衣机 세탁기 Máy giặt Refrigerators 冰箱 냉장고 Tủ lạnh Computers 笔记本电脑 컴퓨터 Máy tính	
These items cannot be disposal of via paid collection service or at city garbage disposal facilities. 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。 유료 수집의 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다. Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Please consult the retail store, manufacturer, or Waste Reduction Promotion Division for information on disposal methods. 该类物品的处理、请咨询销售店铺、生产商或垃圾减量推进课。 판매점이나 업체, 또는 쓰레기 감량 추진과로 문의해 주시기 바랍니다. Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng, nhà sản xuất hoặc Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải.	

Dangerous goods	危険品等
위험물 등	Vật liệu nguy hiểm, v.v.
Tires 轮胎 타이어 Lốp xe Batteries 电池 배터리 Bình ắc quy Gas cylinders 天然気罐 가스통 Bình ga Paint, pesticides, etc. 涂料、农药等 도료, 농약 등 Sơn, thuốc trừ sâu, v.v. Fire extinguishers 灭火器 소화기 Bình cứu hỏa	Household medical waste (Needles only) 家庭用过的医疗废弃物 (仅限注射针管) 가정에서 사용한 의료계 폐기물 (주사기 만) Chất thải y tế gia đình (chỉ kim tiêm)
These items cannot be disposed of via paid collection service or at city garbage disposal facilities. 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。 유료 수집이 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다. Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Please consult the retail store where the item was purchased. 该类物品的处理、请咨询销售店铺。 이러한 처분에 대해서는 판매점에 상담해 주십시오. Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng.	

Dead Animal Collection	狗、猫等动物尸体	개, 고양이 등의 시체	Thu gom xác động vật như chó, mèo	Waste Disposal Service Division TEL 097-568-5763	Paid Collection	收费回收	유료수집	Thu gom rác trả phí
Dead pets, such as dogs or cats, are collected for a fee, however, dead wild animals are collected free of charge. Please contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only. 家庭饲养的狗、猫等动物尸体可进行收费回收。但是,野外的狗、猫、小动物的尸体可免费回收。 详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。 가정에서 기르던 개, 고양이 등은 유료로 수집합니다. 다만, 야생의 개, 고양이, 소동물은 무료로 수집합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Chúng tôi thu gom xác chó, mèo nuôi trong nhà có tính phí. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ thu gom miễn phí xác chó, mèo hoang và các động vật nhỏ khác. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.				清扫业务课 TEL 097-568-5763 청소업무과 TEL 097-568-5763 Phòng Nghiệp vụ Vệ sinh TEL 097-568-5763	It is possible to pay to have oversized garbage or large amounts of garbage picked up for disposal. Contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only. 如果以家庭为单位进行大件垃圾或一次性大量垃圾回收,是由市政府进行收费回收。详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。 대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기의 호별 수집을 희망하는 경우는, 시는 유료로 수집을 실시합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Nếu bạn có nhu cầu thu gom rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn tại nhà, thành phố sẽ cung cấp dịch vụ thu gom rác có tính phí. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.			

Bringing garbage to the disposal facility	将垃圾送至处理中心	쓰레기 처리 시설에 반입	Mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải	Waste Disposal Facilities Division TEL 097-537-5659	清扫设施课 TEL 097-537-5659
It is possible to bring oversized and large amounts of garbage directly to disposal facilities. Please contact the Waste Disposal Facilities Division (097-537-5659) for further information. Consultation is available in Japanese only. 大件垃圾一次性大量垃圾可以送至、本市的处理中心。详情请咨询清扫业务课 (097-537-5659) 但是,只有日语对应工作人员。 대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기는 스스로 시의 처리 시설에 반입할 수 있습니다. 자세한 것은, 청소 시설과 (097-537-5659)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Người dân có thể tự mang rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn đến các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Cơ sở Vệ Sinh (097-537-5659). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.				청소시설과 TEL 097-537-5659	Phòng Cơ sở Vệ Sinh TEL 097-537-5659

福岡環境センター
Fukumune Waste Disposal Center
福宗环境中心

所在地 大分市大字福宗618番地
Fukumune Waste Disposal Center (Onizaki Landfill, Recycling Plaza) Address: 618, Oaza-Fukumune, Oita City
福宗环境中心(鬼崎埋立場)可回收再利用广场 地址:大分市大字福宗618番地
후쿠무네 환경 센터(오니자키 매립장, 리사이클 플라자) 주소: 오이타시 오아자 후쿠무네 618번지
Địa chỉ: 618 Oaza-Fukumune, Thành phố Oita

Hasama, Yufuin 狭間・湯布院
Oita River 大分川
Oita Minami Police Station 大分南警察署
Onizaki Landfill 鬼崎埋立場
Recycling Plaza 可回收再利用广场
Risaikuru Plaza リサイクルプラザ

佐野清掃センター
Sano Waste Disposal Center
사노 청소센터

所在地 大分市大字佐野3400番地の10
Sano Waste Disposal Center Address: 10, 3400, Oaza-Sano, Oita City
佐野清扫中心 地址:大分市大字佐野3400番地10
사노 청소센터 주소: 오이타시 오아자 사노 3400번지 10
Địa chỉ: 3400-10 Oaza-Sano, Thành phố Oita

Tsurusaki 鶴崎
Niu 丹生
Ozai 大在
Miyagawauchi IC 宮河内IC
Sano Botanical Park 佐野植物公園
Miyagawauchi Highland 宮河内高地
Akeno, Matsuoka 明野・松岡
Hetsugi 戸次
Mt. Kurokui 九六位山

Android

iOS (iPhone等)

Osaka City Official App provides information on garbage disposal and collection.

大阪市公式アプリが提供しているごみ分別・収集に関する情報。

Download Osaka City Official APP to check garbage classification, disposal, etc. information.

大阪市公式APPをダウンロードしてごみ分別・収集などの情報を確認できます。

Osaka City Official App provides information on garbage disposal and collection.

大阪市公式アプリが提供しているごみ分別・収集に関する情報。

Download Osaka City Official APP to check garbage classification, disposal, etc. information.

大阪市公式APPをダウンロードしてごみ分別・収集などの情報を確認できます。